

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 05/2006/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cho thuê tài chính
và dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định số
16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP
ngày 19/5/2001 của Chính phủ**

Căn cứ Điều 42 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, Điều 3 Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính theo quy định tại các Nghị định này như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH

1. Công ty cho thuê tài chính thực hiện cho thuê tài chính đối với bên thuê tài chính là các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi là bên thuê) có nhu cầu thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống ở trong nước.

Thông tư này không hướng dẫn các công ty cho thuê tài chính thực hiện hoạt động cho thuê tài chính ra nước ngoài.

2. Điều kiện cho thuê tài chính

2.1. Công ty cho thuê tài chính phải được thành lập và thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2.2. Bên thuê phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật:

- Đối với bên thuê là tổ chức và cá nhân Việt Nam: Tổ chức phải có năng lực pháp luật dân sự; cá nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân, đại diện của hộ gia đình, đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự.

- Đối với bên thuê là tổ chức và cá nhân nước ngoài: Tổ chức phải có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cá nhân phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định khác. Căn cứ áp dụng pháp luật đối với tổ chức và cá nhân này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

b) Có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống khả thi, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và sử dụng tài sản thuê để thực hiện dự án đó.

c) Có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán tiền thuê trong thời hạn thuê đã cam kết.

2.3. Giao dịch cho thuê tài chính phải thỏa mãn điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Đồng tiền sử dụng trong các giao dịch cho thuê tài chính

Công ty cho thuê tài chính thực hiện các giao dịch cho thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Trường hợp giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ, thì công ty cho thuê tài chính và bên thuê thực hiện theo các quy định của pháp luật về ngoại hối và hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ

4.1. Giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ là việc công ty cho thuê tài chính cho bên thuê thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản

khác mà công ty cho thuê tài chính nhập khẩu theo hợp đồng cho thuê tài chính với bên thuê; bên thuê nhận nợ và thanh toán tiền thuê tài chính bằng ngoại tệ.

4.2. Ngoài các điều kiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Thông tư này, giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với công ty cho thuê tài chính: Đã đăng ký hoạt động cho thuê tài chính bằng ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

b) Đối với bên thuê:

- Sử dụng tài sản thuê để phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Có nguồn thu bằng ngoại tệ hợp pháp hoặc được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối để thanh toán tiền thuê tài chính.

5. Tiền thuê tài chính và các khoản chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính

5.1. Tiền thuê tài chính bao gồm:

a) Nợ gốc được xác định trên cơ sở giá mua các tài sản cho thuê và các chi phí hợp lý liên quan đến việc mua tài sản đó;

b) Nợ lãi được xác định trên cơ sở dư nợ gốc, lãi suất và thời hạn thuê tài chính.

5.2. Các chi phí khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính mà bên thuê phải trả cho công ty cho thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính và bên thuê thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Lãi suất cho thuê tài chính

6.1. Mức lãi suất cho thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính.

6.2. Mức lãi suất áp dụng đối với các khoản nợ gốc tiền thuê tài chính quá thời hạn trả nợ do công ty cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho thuê tài chính áp dụng trong thời hạn cho thuê tài chính đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng cho thuê tài chính.

7. Thời hạn và kỳ hạn cho thuê tài chính

7.1. Thời hạn cho thuê tài chính là khoảng thời gian tính từ thời điểm bên thuê nhận nợ tiền thuê tài chính cho đến khi trả hết nợ tiền thuê đã được thỏa thuận ghi trong hợp đồng cho thuê tài chính. Thời điểm nhận nợ tiền thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê.

Công ty cho thuê tài chính và bên thuê căn cứ chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng thanh toán tiền thuê của bên thuê để thỏa thuận thời hạn cho thuê tài chính. Đối với tổ chức Việt Nam và nước ngoài, thời hạn cho thuê tài chính không quá thời hạn hoạt động còn lại theo quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động tại Việt Nam; đối với cá nhân nước ngoài, thời hạn cho thuê tài chính không vượt quá thời hạn được phép sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

7.2. Kỳ hạn cho thuê tài chính là các khoảng thời gian trong thời hạn cho thuê tài chính đã được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính, mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó bên thuê phải trả một phần hoặc toàn bộ số tiền thuê tài chính cho công ty cho thuê tài chính.

7.3. Công ty cho thuê tài chính và bên thuê thỏa thuận về việc trả nợ gốc và nợ lãi tiền thuê tài chính như sau:

- a) Các kỳ hạn trả nợ gốc;
- b) Các kỳ hạn trả nợ lãi cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng.

8. Thẩm định và quyết định cho thuê tài chính

8.1. Công ty cho thuê tài chính xem xét quyết định cho thuê tài chính đối với bên thuê trên cơ sở đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống, các điều kiện về cho thuê tài chính và khả năng trả nợ của bên thuê.

8.2. Công ty cho thuê tài chính xây dựng quy trình thẩm định, xét duyệt cho thuê tài chính theo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho thuê tài chính, trách nhiệm của các cá nhân có liên quan.

9. Hồ sơ cho thuê tài chính

9.1. Giấy đề nghị thuê tài chính của bên thuê, trong đó ghi cụ thể tên tài sản thuê kèm theo các tài liệu chứng minh đủ điều kiện thuê tài chính.

9.2. Công ty cho thuê tài chính hướng dẫn các loại tài liệu mà bên thuê cần gửi cho công ty cho thuê tài chính phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính và đặc điểm hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

9.3. Bên thuê phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu gửi cho công ty cho thuê tài chính.

10. Hợp đồng cho thuê tài chính

10.1. Hợp đồng cho thuê tài chính là thỏa thuận giữa công ty cho thuê tài chính và bên thuê về việc cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính, hướng dẫn của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

10.2. Hợp đồng cho thuê tài chính phải được lập thành văn bản phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự và phải có các nội dung chủ yếu: Tên, địa chỉ của công ty cho thuê tài chính và bên thuê; điều kiện cho thuê; tên, chủng loại và chất lượng của tài sản cho thuê; mục đích sử dụng tài sản thuê; tiền gốc và lãi suất thuê tài chính, các chi phí khác; thời điểm nhận nợ và thời hạn cho thuê tài chính; kỳ hạn và thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính; quyền và nghĩa vụ của các bên, xử lý trường hợp hợp đồng cho thuê chấm dứt trước hạn. Các nội dung khác của hợp đồng cho thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính và bên thuê thỏa thuận.

11. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

11.1. Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính đối với bên thuê theo một trong hai phương thức sau đây:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc công ty cho thuê tài chính chấp thuận thay đổi kỳ hạn trả nợ tiền thuê tài chính, nhưng không vượt quá thời hạn cho thuê tài chính đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng cho thuê tài chính.

b) Gia hạn nợ là việc công ty cho thuê tài chính chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ tiền thuê tài chính vượt quá thời hạn cho thuê đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng cho thuê tài chính.